TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-8-2026.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thuận.

Bà Trần Thị Phước Duyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Huỳnh Thảo N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số F, ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* anh Võ Văn O, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số F, ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa, chị N và anh O vắng mặt (chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh O vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Huỳnh Thảo N trình bày:

Chị và anh Võ Văn O kết hôn vào năm 2018. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là phường P, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/5/2018, hôn nhân là do tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu xảy ra mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 3/2026, anh chị không chung sống với nhau cho đến nay. Do anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh O.

Chị và anh O có 01 người con chung tên Võ Hữu Đ, sinh ngày 19/10/2019, từ khi chị và anh O không chung sống với nhau cho đến nay thì con chung sống với chị. Thời gian qua, chị chăm sóc con tốt, đảm bảo cho con phát triển về mọi mặt; anh O không đến thăm con và cũng không chu cấp cho con. Vì vậy, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh O cấp dưỡng cho con.

Chị và anh O không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đi làm ăn xa, xin nghỉ làm rất khó nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh Thảo N:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Huỳnh Thảo N được ly hôn với anh Võ Văn O.

- Về con chung: giao con chung Võ Hữu Đ, sinh ngày 19/10/2019 cho chị Nguyễn Huỳnh Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị Nguyễn Huỳnh Thảo N không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Huỳnh Thảo N trình bày không có, anh Võ Văn O không thể hiện ý kiến nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Huỳnh Thảo N phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh O. Anh O cư trú tại xã L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh O.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh O tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 21/5/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị N thì trong quá trình chung sống chị và anh O đã phát sinh mâu thuẫn nhưng anh chị không tự giải quyết được để mâu thuẫn kéo dài và anh chị không chung sống với nhau từ tháng 3/2026 cho đến nay. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh O. Với yêu cầu ly hôn của chị N, anh O không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bỏ mặc cho chị N tự giải quyết.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Tình nghĩa vợ chồng":

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh O không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã không chung sống với nhau trong thời gian dài nên anh chị không còn tình nghĩa vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của chị N và anh O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh O là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị N thì chị và anh O có 01 người con chung tên Võ Hữu Đ, sinh ngày 19/10/2019, hiện đang sống với

chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh O không có ý kiến phản đối với yêu cầu này của chị N.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con".

Xét thấy, hiện con chung đang sống với chị N nên có sự gắn bó thân thiết với nhau, con chung được chị N chăm sóc tốt, đảm bảo cho con phát triển về mọi mặt. Như vậy, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con nên Hội đồng xét xử giao con chung Võ Hữu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" và tại khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này…". Tuy nhiên, do chị N không yêu cầu anh O phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày chị và anh O không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh O thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010511 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ án phí.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Thảo N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Huỳnh Thảo N được ly hôn với anh Võ Văn O.

1.2. Về con chung:

Giao con chung Võ Hữu Đ, sinh ngày 19/10/2019 cho chị Nguyễn Huỳnh Thảo N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Huỳnh Thảo N không yêu cầu anh Võ Văn O cấp dưỡng cho con.

Anh Võ Văn O được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Huỳnh Thảo N trình bày chị và anh Võ Văn O không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Võ Văn O thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Huỳnh Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010511 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Huỳnh Thảo N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Mộng Tuyền